

(Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 31248
	Ngày: 22/07/20
Chuyển:	NY.GSK
Lưu hồ sơ số:	

....., ngày 15 tháng 07 năm 2020

....., 15 07 2020

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN,
NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**
**REPORT ON THE DAY BECOMING / NO LONGER BEING MAJOR
SHAREHOLDERS, INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF
CLOSED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ:
THE FPT CORPORATION
To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The public company/ The fund management company:
THE FPT CORPORATION

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*
- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/institutional investor*:
MACQUARIE BANK LIMITED
- Quốc tịch/ *Nationality*:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*:
Certificate of Business Registration No: ABN 46 008 583 542
Date of Issue: 26 April 1983
Place of Issue: Australia
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Level 6, 50 Martin Place, Sydney 2000, NSW, Australia
- Điện thoại/ *Telephone*: NA Fax: NA Email: Substantial.Holdings@macquarie.com Website: NA

PUBLIC

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) /*Related persons (currently holding the same types of shares/fund certificates):* NA

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan /*Full name of related individual/Name of institution:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned:*

- Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu/*Name of share/fund certificate owned:*

THE FPT CORPORATION

- Mã chứng khoán sở hữu/*Securities code:* FPT

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above:*

Tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

39,162,915 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ *shares/fund certificates, tương ứng/ equal to 4.995874%*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ *Number of shares / fund certificate purchase/ sell/ give/ donate/ donated/ inheritance/ transfer/ transferred/ swap at date on which change of ownership ratio and becoming/ no longer being a major shareholder/ investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:*

2,915,750 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ *shares/fund certificates*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction (or swap):*

PUBLIC

42,078,665 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ shares/fund certificates, tương ứng/ equal to 5.37%

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ trading date on which change of ownership ratio and becoming/ no longer being a major shareholder/ investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:

15/07/2020.

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/ Number, ownership proportion of shares/ fund certificates currently held by the related person:

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor together with related persons after the transaction:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal – in case of organization)**

THE COMMON SEAL of MACQUARIE BANK LIMITED was hereunto affixed in accordance with the Company's constitution:



[Handwritten signature]

Signature of Company Secretary

[Handwritten signature]

Signature of Authorised Signatory

RENIS IERON
Name of Company Secretary

Stuart Pearson
Name of Authorised Signatory

PUBLIC